

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HS-ST  
Ngày 22 - 06 - 2022

**NHÂN DA  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Bá ThA**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Vi Văn Coóng**.

2. Bà **Tô Thị Thi**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phan Thị Thiết** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh B tham gia phiên tòa:* Ông **Nông Văn Chấn** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2022/TLST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST- HS ngày 10 tháng 6 năm 2022 đối với các bị cáo:

1- Họ và tên: **T** (tên gọi khác: Không có), sinh ngày: 14 tháng 4 năm 1996, tại H, Kh, B; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm T, xã H, huyện Kh, tỉnh B; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 12/12 PT; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông C, sinh năm 1970 và bà Ph, sinh năm 1970; Achị em ruột có 02 chị em, bị cáo là con út trong gia đình; Vợ: Hoàng Thị Th, sinh năm 2000 và có 01 con, sinh năm 2019;

Tiền án: Không có.

Tiền sự: 01 tiền sự, ngày 29/12/2020 bị Công an tHành phố B xử phạt Hành chính về Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 18/12/2021 đến ngày 21/01/2022 thì được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại; có mặt.

2- Họ và tên: **Trương Văn Th** (tên gọi khác: Không có), sinh ngày: 09 tháng 02 năm 1997, tại C, H, B; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm Cột Nưa, xã C, huyện H, tỉnh B; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 10/12 PT; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông V, sinh năm 1968 và bà Long Thị V, sinh năm 1967; Achị em ruột có 05 Achị em, bị cáo là con thứ 4 trong gia đình; Vợ, con: Chưa có; Nhân thân: Tốt; Tiền án, tiền

sự: Không có. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 18/12/2021 đến ngày 19/01/2022 thì được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại; có mặt.

3- Họ và tên: **Th** (tên gọi khác: Không có), sinh ngày: 19 tháng 11 năm 1997, tại C, H, B; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm G, xã C, huyện H, tỉnh B; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 12/12 PT; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Kh, sinh năm 1970 và bà X, sinh năm 1974; Achị em ruột có 03 Achị em, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình; Vợ, con: Chưa có; Nhân thân: Tốt; Tiền án, tiền sự: Không có. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 18/12/2021 đến ngày 19/01/2022 thì được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại; có mặt.

4- Họ và tên: **V** (tên gọi khác: Không có), sinh ngày: 11 tháng 6 năm 1994, tại C, H, B; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm Q, thị trấn L, huyện Kh, tỉnh B; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 12/12 PT; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông P, sinh năm 1968 và bà M, sinh năm 1969; Achị em ruột có 03 Achị em, bị cáo là con cả trong gia đình; Vợ: B, sinh năm 1990, con: có 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2021; Nhân thân: Tốt; Tiền án, tiền sự: Không có. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 17/12/2021 đến ngày 19/01/2022 thì được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Ông B - Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý NH nước tỉnh B bào chữa cho bị cáo T,Th; có mặt.

- *Người có quyền L và nghĩa vụ liên quan, đồng thời là người làm chứng trong vụ án gồm:*

1. L, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Xóm T, xã C, huyện H, tỉnh B; có mặt.
2. S, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Xóm T, xã C, huyện H, tỉnh B; có mặt.
3. A, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Xóm T, xã C, huyện H, tỉnh B; có mặt.
4. T, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Xóm T, xã C, huyện H, tỉnh B; có mặt.
5. L, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Xóm T, xã C, huyện H, tỉnh B; có mặt.

6. S, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Xóm T, xã C, huyện H, tỉnh B; có mặt.

- *Người làm chứng trong vụ án:*

1. H, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Xóm T, xã C, huyện H, tỉnh B; có mặt.
2. Đ, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Xóm T, xã C, huyện H, tỉnh B; có mặt.
3. Ng, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Xóm T, xã C, huyện H, tỉnh B; có mặt.
4. L, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Xóm T, xã C, huyện H, tỉnh B; có mặt.
5. H, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Xóm Cột Nưa, xã C, huyện H, tỉnh B; có mặt.

mặt.

- *Người phiên dịch tiếng Nùng:* Ông S. Trú tại: Tổ Đ, thị trấn H, huyện H, tỉnh B; có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ, ngày 17/12/2021, tại khu vực mốc 715 tại xóm G, xã C, huyện H (cách đường biên giới khoảng 100 mét) Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H phát hiện bắt quả tang đối với: H, sinh năm 1971; Đ, sinh năm 1992; Ng, sinh năm 1988; L, sinh năm 1991 cùng trú tại T, C, H và V, sinh năm 1994 trú tại Q, thị trấn L, Kh, B, có Hành vi buôn bán trâu trái phép từ Việt Nam sang Trung Quốc, ngoài ra còn có một số đối tượng khác đã chạy thoát. Tại hiện trường phát hiện 10 (Mười) con trâu đực các đối tượng H, Đ, Ng, L nhận mỗi người vận chuyển một con được đánh số thứ tự từ 01 đến 04, T nhận trách nhiệm về 06 con trâu còn lại được đánh số từ 05 đến 10 các đối tượng không xuất trình được giấy tờ, tài liệu liên quan, Tổ công tác đã đưa các đối tượng cùng tang vật đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H để điều tra theo quy định (*Bút lục số: 01 - 04*).

Qua điều tra xác định các đối tượng bỏ chạy khi bắt quả tang gồm: L, sinh năm 1991; S, sinh năm 1972; A, sinh năm 1994; T, sinh năm 1996; L, sinh năm 1984; S, sinh năm 1982 cùng trú tại xóm T, xã C, huyện H vận chuyển thuê cho V mỗi người một con trâu đực đánh số từ 05 đến 10 từ xóm G, xã C lên mốc 715.

Kết quả cân xác định khối lượng trâu và định giá tài sản: Ngày 18 tháng 02 năm 2021 Cơ quan chức năng tiến Hành cân xác định khối lượng trâu bằng cân điện tử hiệu A501E. Con trâu đánh số 5 có khối lượng 566 kg (Năm trăm sáu mươi sáu Kilôgam); Con trâu đánh số 6 có khối lượng 495 kg (Bốn trăm chín mươi năm Kilôgam); Con trâu đánh số 7 có khối lượng 550 kg (Năm trăm năm mươi Kilôgam); Con trâu đánh số 8 có khối lượng 501 kg (Năm trăm linh một Kilôgam); Con trâu đánh số 9 có khối lượng 474 kg (Bốn trăm bảy mươi tư Kilôgam); Con trâu đánh số 10 có khối lượng 533 kg (Năm trăm ba mươi ba Kilôgam). Tổng khối lượng 06 con trâu là 3.119 kg (Ba nghìn một trăm mười chín Kilôgam). (*Bút lục số: 56 - 60*).

Ngày 20 tháng 12 năm 2021 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H kết luận 06 con trâu có khối lượng 3.119 kg có giá là 218.330.000 đồng (Hai trăm mười tám triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng) (*Bút lục số: 61 - 65*).

Tại Cơ quan điều tra các bị can khai: Khoảng buổi trưa ngày 16/12/2021 T nhận được cuộc gọi qua phần mềm Wechat của một người đàn ông Trung Quốc (không biết họ, tên, địa chỉ) đặt vấn đề có 06 con trâu ở thị trấn L, huyện Kh cần đưa sang Trung Quốc qua mốc 715 để bán. Sau đó T gọi cho Th nói có 06 con trâu cần đưa sang Trung Quốc qua mốc 715, rồi Th gọi cho Th hỏi lấy 06 con trâu qua mốc 715 để bán sang Trung Quốc có được không. Th trả lời là được và báo giá tiền công mỗi con 1.600.000 đồng, Th đồng ý và gọi lại cho T bảo lấy trâu sang Trung Quốc được tiền thuê vận chuyển mỗi con 1.800.000 đồng (Th lấy tiền chênh lệch mỗi con 200.000 đồng). Biết lấy trâu sang Trung Quốc T gọi lại cho người Trung Quốc biết, người bên Trung Quốc báo giá tiền công mỗi con 1000 NDT (tiền Trung Quốc) khi trâu được đưa sang Trung Quốc và xin số thuê bao điện thoại của T nói để gửi cho chủ trâu để liên lạc nhận trâu một lát sau có một người phụ nữ

gọi cho T giới thiệu tên là B có 06 con trâu ở bãi trâu T, thị trấn L, Kh cần đưa sang Trung Quốc qua mốc 715 để bán, bảo T tự tìm xe sang thị trấn Trại Lĩnh để nhận trâu, T nói muốn nhận tiền công với B mỗi con 1000 nhân dân tệ, khi trâu được đưa sang Trung Quốc và B đồng ý. Một lúc sau T gọi lại cho Th tìm xe sang bãi trâu T, thị trấn L để nhận trâu đồng thời nói người Trung Quốc trả mỗi con 800 nhân dân tệ (tiền Trung Quốc) và hai người thỏa Th sau khi trừ đi các chi phí số tiền còn lại sẽ chia đều nhau T nhận riêng mỗi con 200 nhân dân tệ. Th đồng ý và sang nH Kh, sinh năm 1986 người cùng xóm có xe ô tô thùng chở Hàng hóa, thuê vận chuyển 06 con trâu từ thị trấn L về đến nH với số tiền 100.000 đồng một con và lấy cho A Kh số thuê bao điện thoại của T để liên lạc nhận trâu.

Khoảng 15 giờ cùng ngày Kh điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 98C - 014.35 đến bãi trâu T ở thị trấn L nhận 06 con trâu với một người đàn ông không quen biết rồi chở về tự dắt trâu xuống xe buộc vào các cột bê tông gần chuồng trại nH Th.

Đến khoảng 17 giờ cùng ngày T gọi bảo Th phải phun sơn đỏ lên tai trái của các con trâu để làm kí hiệu, sau phun sơn xong Th nhắn tin lên nhóm Zalo của xóm với nội dung có 06 con trâu đang buộc ở gần nH muốn tìm người vận chuyển lên xóm G, xã C với giá mỗi con giá 50.000 đồng, kèm theo số thuê bao di động của Th và nói khi nào dắt trâu đến đầu làng thì liên lạc giao nhận trâu. Khoảng 15 phút sau Ph, h, L, Ng đến nhận vận chuyển mỗi người 01 con trâu C nhận vận chuyển 02 con lên xóm G.

Th sau khi nhận vận chuyển trâu cho Th đã gọi điện thoại cho V nói về việc vận chuyển trâu và rủ T cùng nhau thực hiện, sau khi đồng ý T từ nH xóm Q, thị trấn L đi đến xóm T trực tiếp gọi cho A, L, S, T, S và L đi lên xóm G để vận chuyển trâu (T chưa nói quãng đường vận chuyển) lúc trời tối A, L, S, T, S và L đi đến đầu làng xóm G nhận mỗi người một con trâu từ nhóm Ph, L, Ng, Cường, Dương rồi dắt trâu về buộc ở gần nH Th, do người Trung Quốc chưa nhận trâu nên T cho A, L, S, T, S và L đi về nH. Th và T dự định trả tiền công vận chuyển mỗi con trâu 300.000 đồng cho A, L, S, T, S và L nhưng chưa nói cho biết số tiền còn lại hai người sẽ chia đều nhau sau khi nhận được tiền.

Trong ngày 16/12/2021 người Trung Quốc lập một nhóm chat trên phần mềm Wechat rồi thêm T vào nhóm, sau đó T thêm Th, Th thêm Th và Th thêm T vào nhóm để liên lạc để vận chuyển trâu, sau khi bị phát hiện tài khoản nhóm chat đã bị xóa.

Sáng sớm ngày 17/12/2021 Th và T tiếp tục gọi A, L, S, T, S và L đến nhà Th và nói vận chuyển mỗi người một con trâu lên mốc 715 để đưa sang Trung Quốc, T đi trước dẫn đường Th đi theo sau những người vận chuyển để cảnh giới nếu phát hiện lực lượng chức năng sẽ thông báo cho cả nhóm biết, đến khoảng 17 giờ cùng ngày thì cả nhóm vận chuyển sâu đến sát đường biên giới khu vực mốc 715 tập kết thì bị lực lượng chức năng phát hiện bắt giữ.

Sau khi trâu bị bắt sáng ngày 18/12/2021 T cùng với Th nhờ H đến Công an huyện H tự nhận mỗi người bị bắt 02 con trâu và xin nhận lại với mục đích nhằm giảm nhẹ trách nhiệm.

Qua điều tra Đặng Thị B không thừa nhận được gọi điện cho T xuống L nhận trâu và khai bản thân là người môi giới bán trâu, bỏ để nhận tiền hoa hồng từ các chủ trâu từ chợ gia súc thị trấn L, huyện K, khoảng 14 giờ ngày 16/12/2021 do môi giới bán 06 con trâu của một người tên là Quảng (người không quen biết ở tỉnh Nghệ An) cho T với số tiền là 180.000.000 đồng nhưng chưa trả tiền (*Bút lục số: 291 - 450*).

Trong quá trình điều tra, truy tố T, Th, Th, V tHành khẩn khai báo về Hành vi phạm tội của mình lời khai của các đối tượng khớp với lời khai của những người làm chứng phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu đồ vật xử lý vật chứng của vụ án: Ngày 24/12/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H đã ra quyết định xử lý vật chứng số 02 bán toàn bộ vật chứng là 06 con trâu theo quy định, được số tiền 213.570.000 đồng (Hai trăm mười ba triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng) số tiền đang được tạm giữ tại tài khoản 394909058233 tại Kho bạc NH nước huyện H (*Bút lục số: 66 - 79*).

Ngày 14/02/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra quyết định trả lại 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO đã qua sử dụng cho chủ tài sản Đặng Thị B; 01 (Một) kết sắt, nhãn hiệu KBS cho chủ tài sản Th; 03 (Ba) tờ giấy có viết chữ và số cho Th; 01 (Một) quyển sổ màu đỏ ghi chữ: “ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ XÃ C” cho V, do không liên quan đến vụ án (*Bút lục số: 284 - 288*).

01 (Một) điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG đã qua sử dụng, số IMEI 1: 356646103546263/01, IMEI 2: 356647103546261/01 của Th; 01 (Một) điện thoại, nhãn hiệu OPPO đã qua sử dụng, số IMEI 1: 861516040879515, IMEI 2: 861516040879507 của Th; 01 (Một) điện thoại, nhãn hiệu Nokia đã qua sử dụng, số Seri: 350618542321331, bên trong máy có sim số 0983747172 của V; 01 (Một) điện thoại, nhãn hiệu OPPO đã qua sử dụng, số IMEI 1: 868057055123492, IMEI 2: 868057055123484, bên trong máy có sim số 0967793116 của T hiện đang được bảo quản tại Chi cục thi Hành án dân sự huyện H (*Bút lục số: 290*).

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: T, Th, Th, Th, V phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đều thanh khẩn khai báo về Hành vi phạm tội của mình là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với S, L, A, T, L, S là những người vận chuyển trái phép Hng hóa qua biên giới (Mỗi người vận chuyển 01 con trâu, trị giá mỗi con dưới 100.000.000 đồng) với mục đích lấy tiền công cho riêng mình, các đối tượng chưa có tiền án, tiền sự. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử phạt Hành chính bằng hình thức phạt tiền theo quy định.

Đối với Đặng thị B, sinh năm 1979, hộ khẩu thường trú Khuổi Ngọa, Bằng Vân, Ng Sơn, Bắc Kạn, tạm trú tại Nam Phong 1, Hưng Đạo, tHành phố B. Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ để xử lý.

Đối với H, sinh năm 2000 trú tại xóm Cột Nưa, xã C, huyện H đến Cơ quan Công an huyện H giúp T và Th nhận 02 con trâu là tự nguyện không bị mua chuộc hoặc cưỡng ép, Hành vi của Hiệp đã vi phạm điểm b khoản 2 Điều 5, Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, Cơ quan điều tra ra quyết định xử phạt Hành chính theo quy định.

Đối với người đàn ông Trung Quốc do không biết họ, tên, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra xử lý.

Đối với Đ, L, H và Ng là những người bị bắt quả tang cùng V khi đang tập kết trâu cho chủ trâu khác. Cơ quan điều tra đã xử lý ở vụ án khác, không liên quan đến vụ án này.

Đối với Ph, h, L, Ng, C, Kh là những người vận chuyển trâu cho Th trong nội địa để lấy tiền công, không biết Hành vi phạm tội của Th, nên không vi phạm pháp luật.

Cáo trạng số: 14/CT-VKSHQ ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện H để xét xử các bị cáo T, Th, Th và V về tội: “Buôn lậu” quy định tại khoản 1 Điều 188 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận Hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu đều phù hợp với các tài liệu và lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên thực Hành quyền công tố tại phiên tòa sau khi trình bày lời luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo T, Th, Th và V về tội: “Buôn lậu” quy định tại khoản 1 Điều 188 Bộ luật hình sự; và áp dụng các căn cứ pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt đối với các bị cáo như sau:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 188; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; khoản 1 Điều 54; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

- *Về hình phạt:* Áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính, xử phạt bị cáo T từ 45.000.000đ đến 50.000.000đ, để sung quỹ NHnước.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 188; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; khoản 1 Điều 54; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

- *Về hình phạt:* Áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính, xử phạt bị cáo Th 40.000.000đ đến 48.000.000đ, để sung quỹ NHnước.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 188; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; khoản 1 Điều 54; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

- *Về hình phạt:* Áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính, xử phạt bị cáo Th 35.000.000đ đến 40.000.000đ, để sung quỹ NHnước.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 188; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; khoản 1 Điều 54; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

- *Về hình phạt:* Áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính, xử phạt bị cáo V 35.000.000đ đến 40.000.000đ, để sung quỹ NHnước.

Hình phạt bổ sung đối với các bị cáo: Không đề xuất, do hình phạt chính là phạt tiền.

- Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử lý vật chứng:

+ Tịch thu, sung công quỹ NHnước số tiền: 213.570.000 đồng (tiền bán vật chứng 06 con trâu). Số tiền đang được tạm giữ tại tài khoản 394909058233 tại Kho bạc NHnước huyện H; 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG đã qua sử dụng, số IMEI 1: 356646103546263/01, IMEI 2: 356647103546261/01 của Th; 01 (Một) điện thoại, nhãn hiệu OPPO đã qua sử dụng, số IMEI 1: 861516040879515, IMEI 2: 861516040879507 của Th; 01 (Một) điện thoại, nhãn hiệu OPPO đã qua sử dụng, số IMEI 1: 868057055123492, IMEI 2: 868057055123484, bên trong máy có sim số 0967793116 của T là phương tiện bị cáo dùng để liên lạc buôn lậu.

+ Trả lại 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia đã qua sử dụng, số Seri: 350618542321331, bên trong có sim số 0983747172 của bị cáo V, điện thoại không liên quan đến Hành vi phạm tội.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo án phí hình sự sơ thẩm, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng theo quy định của pháp luật.

- Người bào chữa cho bị cáo T,Th có luận cứ như sau: Về nội dung diễn biến Hành vi phạm tội của bị cáo đã được nêu đầy đủ trong cáo trạng cũng như bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát xin phép không nhắc lại. Hành vi “Buôn lậu” đã được làm rõ tại phiên tòa hôm nay, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, do đó nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo về tội: “Buôn lậu” theo quy định tại khoản 1 Điều 188 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, thực tế hai bị cáo chưa được hưởng L gì.

Về nhân thân, hoàn cảnh kinh tế: Bị cáo Th có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự. Hai bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, hiện nay T có 01 vợ và một con sinh 2019, nghề nghiệp chính của hai bị cáo là trồng trọt và chăn nuôi. Gia đình bị cáo Th thuộc hộ cận nghèo, tuy nhiên hiện nay gia đình đã phát triển kinh tế nông nghiệp đời sống kinh tế có khá giả hơn, gia đình có các tài sản có giá trị sau: Vật nuôi có 02 con trâu, 06 con lợn, 01 xe máy mới mua đứng tên bị cáo giá trị khoảng 20.000.000đ, tiền mặt có 10.000.000đ, nếu được phạt tiền bị cáo cam đoan thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, trước lần phạm tội này bị cáo luôn chấp Hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của NHnước. Bị cáo T không thuộc hộ nghèo, cận nghèo hiện nay gia đình đã phát triển kinh tế nông nghiệp đời sống kinh tế đảm bảo cuộc sống, gia đình có các tài sản có giá trị sau: Có 01 xe ô tô đứng tên bị cáo (giá trị khoảng hơn 100.000.000đ), có 01 con trâu, 01 con ngựa (giá trị khoảng 50 triệu đồng), có tiền mặt 20.000.000đ, nếu được phạt tiền bị cáo cam đoan thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật..

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, cũng như tại phiên tòa xét xử ngày hôm nay, hai bị cáo luôn tHành khẩn, khai nhận toàn bộ Hành vi phạm tội của mình vớiTh độ ăn năn, xám hối các bị cáo nhận thức được Hành vi buôn lậu của mình là sai, là vi phạm pháp luật ăn năn, hối cải và mong nhận được sự khoan hồng của pháp luật. Do đó, đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự “*Người phạm tội tHành khẩn khai báo ăn năn hối cải*”. Ngoài ra đây là lần đầu tiên các bị cáo phạm tội với tính chất mức độ ít nghiêm trọng. Do đó, đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”

Từ những căn cứ đánh giá nêu trên, căn cứ khoản 1 Điều 188; điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 54 Bộ luật hình sự, bản thân hai bị cáo đều không có thu nhập, hoàn cảnh khó khăn để đảm bảo thi Hành án đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo T,Th được hưởng hình phạt tiền mức thấp nhất dưới khung hình phạt của Viện kiểm sát đề nghị làT 45.000.000đ; Th 35.000.000đ, điều này thể hiện một bản án nghiêm minh đúng người, đúng tội, để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm của bản thân. Bản thân các bị cáo không có nguồn thu nhập ổn định. Do đó, đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Hai bị cáo T,Th đều nhất trí với lời đề nghị của người bào chữa cho mình, không có ý kiến gì bổ sung thêm.

Các bị cáo nhất trí nội dung Cáo trạng đã truy tố cũng như nội dung bản luận tội, các bị cáo không có trAluận gì và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trAtụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về Hành vi, quyết định của Cơ quan tiến Hành tố tụng, người tiến Hành tố tụng. Do đó, các Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến Hành tố tụng, người tiến Hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và phù hợp các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận như sau: Trưa ngày 16/12/2021 T sau khi nhận được cuộc gọi qua ứng dụng phần mềm Wechat của người Trung Quốc gọi đến nói là có 06 con trâu đang ở chợ trâu L cần vận chuyển sang Trung Quốc qua mốc 715 để bán,T trả lời người Trung Quốc đợi

một tỷ hồi đã nêu vận chuyển được sẽ trả lời. Sau đó T gọi điện thoại cho Th ở Cột nưa, C hỏi xem có thể vận chuyển trâu sang biên giới được không, Th trả lời T đề hỏi Th ở G xem đã, sau khi hỏi Th là vận chuyển được, Th điện cho T nói là được. T gọi cho người Trung Quốc thống nhất giá cả vận chuyển 1000 nhân dân tệ một con trâu (T nói với Th là 800 nhân dân tệ một con trừ các chi phí đi rồi sẽ chia đôi, T hưởng riêng 200 nhân dân tệ/con), người Trung Quốc xin số điện thoại T để gửi cho chủ trâu ở chợ L để nhận trâu, một lúc sau có người phụ nữ gọi đến máy T xưng tên là B và hẹn địa điểm đến nhận trâu tại Bãi trâu T thị trấn L, T gọi điện thoại cho Th chủ động thuê xe từ C sang chợ L lấy trâu và gửi số điện thoại của chủ trâu cho Th để tự liên lạc lấy trâu, Th đã nhờ A Kh cùng xóm tự đi chở trâu tại chợ trâu L như nội dung của T đã nhắn, lấy được trâu và đem về Cột nưa nhà Th để buộc vào các cọc bê tông có sẵn, Th là người trực tiếp phun sơn lên tai các con trâu để đánh số thứ tự và đăng lên nhóm Zalo xóm để tìm thuê người dắt trâu lên xóm G mỗi con 50.000đ, sau khi đăng tin đã được Ph, h, L, Ng, C đến dắt 06 con trâu từ nhà Th lên xóm G để giao cho Th. Đồng thời Th gọi điện thoại cho Th n H tại G để thỏa Th việc dắt trâu và tìm người dắt trâu từ G lên mốc 715 với giá 1.600.000đ/con (Th nói với T là 1.800.000đ, Th hưởng chênh lệch 200.000 đồng/con). Th gọi T là A em họ cùng thống nhất việc vận chuyển trâu từ G lên mốc 715 với giá 1.600.000 đồng, trừ chi phí đi hết còn lại chia nhau, T đã tìm người tại T và thỏa Th vận chuyển 06 con trâu, mỗi con 300.000đ Th và T đi theo đề cảnh giới đề phòng các cơ quan chức năng phát hiện sẽ thông tin cho nhau biết. Hành vi của các bị cáo T, Th, Th và V đã phạm vào tội “Buôn lậu” theo quy định tại khoản 1 Điều 188 của Bộ luật hình sự; Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố các bị cáo về tội: “Buôn lậu” theo khoản 1 Điều 188 của Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án có tính chất mức độ ít nghiêm trọng, Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến việc quản lý ngoại thương. Về ý thức chủ quan các bị cáo nhận thức được số trâu 06 con có khối lượng 3.119 kg, tổng trị giá theo thị trường tại thời điểm đó là 218.330.000 đồng đưa sang Trung Quốc với mục đích buôn bán kiếm lời các bị cáo vẫn thực hiện với mục đích nhận tiền từ chủ trâu, nên các bị cáo đã liên kết lại với nhau với từng giai đoạn để hưởng tiền chênh lệch cụ thể: T thỏa Th với người Trung Quốc vận chuyển trâu mỗi con là 1000 nhân dân tệ lại nói với Th là chỉ 800 nhân dân tệ (T hưởng riêng 200 nhân dân tệ một con trâu), còn Th thỏa Th với Th là 1.600.000 đồng. Nhưng lại nói với T là 1.800.000 đồng (Th hưởng chênh lệch 200.000đ một con trâu), còn Th bảo T tìm người dắt 06 con trâu từ G đến cột mốc 715 mỗi con thống nhất giá 300.000đ nếu trừ chi phí hết còn lại chia đều nhau. Xác nhận 04 bị cáo với mục đích đều muốn hưởng tiền chênh lệch cho riêng mình nếu sự việc trót lọt. Hành vi của các bị cáo đã xâm hại đến nền kinh tế đất nước, gây thất thu thuế cho nhà nước, gây ảnh hưởng đến sức cày kéo của nhân dân, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an tại địa phương khu vực biên giới, loại tội phạm này trong thời gian qua thường xuyên xảy ra gần biên giới, đường mòn hẻo lánh, L dụng sự sơ hở của cơ quan chức năng để buôn bán kiếm tiền bất chính, gây nhiều bức xúc trong nhân dân nên việc đưa các bị cáo ra xét

xử là nhằm T truyền rộng rãi trong nhân dân về việc chấp Hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật, việc có hình phạt nghiêm đối với bị cáo thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật là rất cần thiết.

Phân hóa vai trò phạm tội trong vụ án thấy rằng bị cáo T giữ vai trò chính. Sau khi người Trung Quốc gọi Wechat đặt vấn đề cần người vận chuyển số lượng 06 con trâu sang biên giới để bán, T đã nhận lời và thông tin cho Th để cùng thực hiện, Th thông tin cho Th và Th thông Tin cho T là Aem họ thống nhất lịch trình để đưa 06 con trâu sang biên giới để hưởng tiền chênh lệch của từng người thể hiện như trong cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố. Xác định trong vụ án này trước khi thực hiện Hành vi phạm tội, bị cáo T, Th, Th và T có sự thống nhất về phương thức ăn chia, với động cơ mục đích muốn kiếm tiền từ Hành vi phạm pháp, không phải bỏ vốn nhưng nhận được số tiền lớn, nhưng các bị cáo không có sự bàn bạc, phân vai, phân việc chặt chẽ, nên chỉ xác định là đồng phạm giản đơn, không coi là đồng phạm có tổ chức. Nên không lấy đây làm tình tiết định khung tăng nặng đối với các bị cáo mà chỉ lấy đây làm căn cứ tính mức hình phạt tương xứng đối với hành vi của từng bị cáo.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Cả bốn bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên có bị cáo T có nhân thân xấu, có một tiền sự ngày 29/12/2020 bị Công an thành phố B xử phạt Hành chính về Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Cả bốn bị cáo T, Th, Th và V trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhận thức được việc làm của mình, do đó các bị cáo sẽ được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra có ba bị cáo Th, Th và V có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là dân tộc thiểu số, sống ở vùng đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế, mục đích phạm tội chỉ để phục vụ cho cuộc sống mưu sinh của gia đình, tại địa phương gia đình các bị cáo luôn chấp Hành tốt mọi chủ trương chính sách Đảng và pháp luật của nhà nước, do đó các bị cáo sẽ được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng đối với T có một tiền sự, nhưng không liên quan gì trong vụ án này, nên Hành vi của T vẫn đủ điều kiện được hưởng tình tiết phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng để áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo T và Th thấy rằng ý kiến đưa ra xem xét về trình độ nhận thức xã hội, nhân thân, Hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ đối với hai bị cáo là phù hợp với Hành vi của các bị cáo, và chứng minh các bị cáo hiện nay kinh tế gia đình đều đủ điều kiện để áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền. Đề nghị Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 35 của Bộ luật hình sự áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với cả 02 bị cáo để các bị cáo có cơ hội sửa chữa làm một người công dân tốt và có điều kiện giúp gia đình phát triển kinh tế. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H cũng phân T, Th, Th và V không thuộc hộ nghèo, các bị cáo là thAnien có sức khỏe để lao động có thu nhập cá

nhân, có tài sản có giá trị được chứng minh tại phiên tòa, các bị cáo có đủ khả năng thi Hành án là phạt tiền, Hành vi phạm tội của các bị cáo là xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế với chính sách của Đảng và pháp luật, nhà nước nhằm ngăn chặn và xử lý Hành vi vi phạm pháp luật về quản lý kinh tế chủ yếu là phạt tiền, đánh vào kinh tế của người vi phạm để răn đe, giáo dục là phù hợp với quy định của Bộ luật hình sự.

Từ những căn cứ và phân T nêu trên. Hội đồng xét xử thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho các bị cáo đưa ra là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần xem xét đưa ra một mức án phù hợp khi lượng hình.

[6] Đối với Đ, L, H và Ng là những người bị bắt quả tang cùng V khi đang tập kết trâu cho chủ trâu khác. Đã xét xử ở vụ án khác, không liên quan đến vụ án này.

[7] Đối với Ph, h, L, Ng, C, Kh là những người vận chuyển trâu cho Th trong nội địa để lấy tiền công, không biết Hành vi phạm tội của Th, nên không vi phạm pháp luật, nên không xử lý là phù hợp.

[8] Đối với Đặng thị B chỉ là người môi giới trâu, bò tại chợ trâu L, qua xác minh và lấy lời khai, không đủ căn cứ để xử lý. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý là phù hợp.

[9] Đối với người đàn ông Trung Quốc do không biết họ, tên, địa chỉ cụ thể, nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra xử lý ở vụ án này là phù hợp.

[10] Đối với H, giúp T và Th nhận 02 con trâu là tự nguyện không bị mua chuộc hoặc cưỡng ép, Hành vi của Hiệp đã vi phạm điểm b khoản 2 Điều 5, Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, Cơ quan điều tra ra quyết định xử phạt Hành chính là phù hợp.

[11] Đối với S, L, A, T, L, S là những người vận chuyển trái phép Hng hóa qua biên giới (Mỗi người vận chuyển 01 con trâu, trị giá mỗi con dưới 100.000.000 đồng) với mục đích lấy tiền công cho riêng mình. Do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H ra quyết định xử phạt Hành chính bằng hình thức phạt tiền là phù hợp.

[12] Vật chứng thu giữ của vụ án: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu, sung công quỹ nhà nước số tiền: 213.570.000 đồng (Hai trăm mười ba triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng), (tiền bán vật chứng 06 con trâu). Số tiền đang được tạm giữ tại tài khoản 394909058233 tại Kho bạc nhà nước huyện H, tỉnh B.

- Tịch thu, phát mại sung quỹ nhà nước gồm: 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG đã qua sử dụng, số IMEI 1: 356646103546263/01, IMEI 2: 356647103546261/01 của Th; 01 (Một) điện thoại, nhãn hiệu OPPO đã qua sử dụng, số IMEI 1: 861516040879515, IMEI 2: 861516040879507 của Th; 01 (Một) điện thoại, nhãn hiệu OPPO đã qua sử dụng, số IMEI 1: 868057055123492, IMEI 2: 868057055123484 của T, là những phương tiện các bị cáo dùng để liên lạc buôn lậu.

- Trả lại 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia đã qua sử dụng, số Seri: 350618542321331, bên trong có sim số 0983747172 của bị cáo V, điện thoại không liên quan đến Hành vi phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) sim điện thoại di động số 0967793116 của T, sim điện thoại này liên quan đến Hành vi phạm tội.

[13] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội: “Buôn lậu” lẽ ra, ngoài hình phạt chính, các bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 188 Bộ luật hình sự. Nhưng xét thấy các bị cáo T,Th,Th và V đã áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là tiền đối với các bị cáo như đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa đề nghị là có căn cứ.

[14] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. *T bố:* Bị cáo T,Th,Th và V phạm tội: “Buôn lậu”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 188; Điều 35; điểm i,s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

- *Về hình phạt:* Áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính, xử phạt bị cáo T 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), để sung quỹ NHnước.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 188; Điều 35; điểm i,s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

- *Về hình phạt:* Áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính, xử phạt bị cáoTh 45.000.000đ (Bốn mươi năm triệu đồng), để sung quỹ nhà nước.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 188; Điều 35; điểm i,s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

- *Về hình phạt:* Áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính, xử phạt bị cáoTh 37.000.000đ (Ba mươi bảy triệu đồng), để sung quỹ NHnước.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

5. Áp dụng khoản 1 Điều 188; Điều 35; điểm i,s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

- *Về hình phạt:* Áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính, xử phạt bị cáo V 37.000.000đ (Ba mươi bảy triệu đồng), để sung quỹ nhà nước.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

6. *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu, sung công quỹ nhà nước số tiền: 213.570.000 đồng (Hai trăm mười ba triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng), (tiền bán vật chứng 06 con trâu). Số tiền đang được tạm giữ tại tài khoản 394909058233 tại Kho bạc nhà nước huyện H, tỉnh B.

- Tịch thu, phát mại sung quỹ nhà nước gồm: 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG đã qua sử dụng, số IMEI 1: 356646103546263/01, IMEI 2: 356647103546261/01 của Th; 01 (Một) điện thoại, nhãn hiệu OPPO đã qua sử dụng, số IMEI 1: 861516040879515, IMEI 2: 861516040879507 của Th; 01 (Một) điện thoại, nhãn hiệu OPPO đã qua sử dụng, số IMEI 1: 868057055123492, IMEI 2: 868057055123484 của T, là những phương tiện các bị cáo dùng để liên lạc buôn lậu.

- Trả lại 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia đã qua sử dụng, số Seri: 350618542321331, bên trong có sim số 0983747172 của bị cáo V, điện thoại không liên quan đến Hành vi phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) sim điện thoại di động số 0967793116 của T, sim điện thoại này liên quan đến Hành vi phạm tội.

*Xác nhận số vật chứng trên đang được lưu giữ tại Chi cục Thi Hành án dân sự huyện H, tỉnh B theo Biên bản giao, nhận vật chứng số: 25, hồi 14 giờ 30 phút, ngày 13/5/2022 tại Chi Cục Thi Hành án dân sự huyện H.*

6. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo T, Th, Th và V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng), để sung quỹ nhà nước.

7. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Áp dụng Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo; Người có quyền L và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi Hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi Hành án dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thỏa Th thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi Hành án dân sự. Thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

**- Nơi nhận:**

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND huyện H;
- Công an huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Sở tư pháp tỉnh B;
- Các Bị cáo;
- Người có QL& NVLQ;
- Người bào chữa cho các bị cáo;
- UBND thị trấn L;
- UBND xã C;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Bá ThA**

- UBND xã H;
- Lưu: HS, THAHS.

